

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PLEIKU  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 29-6-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Lê Văn Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Doãn Thị Lệ.

2. Bà Nguyễn Thị Bắc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hà-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa:**  
Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 834/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ A, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Hẻm 29/9 Phan B, Tổ 3, phường H, Tp. P, tỉnh G. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 37B Nguyễn Đình C, Tổ 4, phường T, Tp. P, tỉnh G. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn khởi kiện ngày 24-11-2020 và bản khai ngày 04-12-2020, nguyên đơn là chị Võ A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, Tp. P, tỉnh G vào năm 2019. Thời gian đầu cả hai chung sống hòa thuận nhưng càng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống cả hai khác nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra **cãi vã**, anh T thường xuyên say sưa, không quan tâm đến gia đình, đánh đập chị A. Mâu thuẫn vợ chồng đã được bạn bè, gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng đều không T, dẫn tới việc cả hai sống ly thân. Hiện tại không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, bản thân

chị không còn tình cảm thương yêu anh T nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Trần Ngọc T có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Tr, sinh ngày 02-5-2013. Hiện tại cháu Trần Ngọc Tr đang sống cùng với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con là cháu Trần Ngọc Tr cho đến khi con T niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ này.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với anh Trần Ngọc T. Tuy nhiên, anh T không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa. Do vậy, anh Trần Ngọc T không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên tòa.

*Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*

\* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

\* Về nội dung vụ án:

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quyền khởi kiện và Thẩm quyền giải quyết: Chị Võ A làm đơn yêu cầu Tòa án nhân T phố P, tỉnh G giải quyết ly hôn với anh Trần Ngọc T. Về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của chị A đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý. Bị đơn là anh Trần Ngọc T cư trú tại T phố Pleiku nên Tòa án nhân dân T phố P có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là anh Trần Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án để anh T đến tham gia phiên tòa lần hai nhưng anh T vắng mặt, không có văn bản gửi cho Tòa án biết lý do vắng mặt của mình nên theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Ngọc T.

[3] Về hôn nhân: Chị Võ A và anh Trần Ngọc T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, T phố P, tỉnh G vào ngày 11-7-2019 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, chị A và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả

hai không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bòn phận người đó, anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Mặc dù, đã được hai bên gia đình nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau.

Trong biên bản xác minh của Tòa án nhân dân T phố P ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại địa phương thể hiện anh T thường có những hành vi bạo hành đối với chị A, gây ồn ào tổ dân phố. Sự việc trên cũng đã được Công an phường H mời lên làm việc và hòa giải nhưng không có kết quả.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để anh T tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của mình về việc chị A xin ly hôn nhưng anh T đều vắng mặt chứng tỏ anh không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị Võ A và anh Trần Ngọc T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt mà không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị Võ A về việc ly hôn anh Trần Ngọc T là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[4] Về con và cấp dưỡng nuôi con: Chị A và anh T có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Tr, sinh ngày 02-5-2013.

Tại biên bản lấy lời khai của con chung ngày 04-3-2021, cháu Trần Ngọc Tr có nguyện vọng được ở với chị A, bản thân chị A có nguyện vọng được nuôi con. Mặt khác, trong quá trình tiến hành tố tụng anh T không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình và không có ý kiến gì việc nuôi con. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị A là chính đáng, đúng với nguyện vọng của con, phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Võ A không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Yêu cầu xin ly hôn của chị Võ A được chấp nhận nên chị A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 57, **81, 82, 83 và 84 của** Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ A.

1. Về hôn nhân: Chị Võ A được ly hôn anh Trần Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Ngọc Tr, sinh ngày 02-5-2013 cho chị Võ A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con T niên hoặc đã T niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các T viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Võ A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005848 ngày 04-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; chị Võ A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn chị Võ A được quyền làm đơn kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn anh Trần Ngọc T vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Chi cục THA dân sự Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- UBND phường H, Tp. P, tỉnh G (GCNKH số: 44, ngày 11-7-2019);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Nhàn**

